|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ**  Số: /TTr-UBND  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Trị, ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH  
Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định về định mức xây dựng**

**và phân bổ dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

- Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư 03/2023/TT-BTC) ;

- Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư 02/2023/TT-BKHCN).

**2. Sự cần thiết**

Năm 2015, trên cơ sở thực hiện Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Ngày 10/01/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có hiệu lực từ ngày 26/02/2023. Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực từ ngày 23/6/2023. Theo đó, Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN hết hiệu lực hoàn toàn theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN và Khoản 3 Điều 12 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

Trên cơ sở rà soát văn bản, Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và 02/2023/TT-BKHCN.

Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.” Như vậy, việc xây dựng định mức lập dự toán thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở phù hợp với ngân sách của địa phương là rất cần thiết.

Theo quy định tại Điểm g, Điểm h Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ. h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”. Như vậy, thẩm quyền quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh là.

Để có cơ sở lập dự toán thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cần thiết phải xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về định mức xây dựng và lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp với quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Thông tư 02/2023/TT-BKHCN.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm mục đích để các cơ quan, đơn vị có cơ ở lập dự toán, chi trả và quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh bao gồm: chi phí tổ chức các hội đồng; chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN; chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập; Công tác phí, hội nghị, hội thảo khoa học và các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp công tác quản lý hoạt động KH&CN.

**2. Quan điểm xây dựng**

- Việc xây dựng Dự thảo Nghị quyết phải đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư 03/2023/TT-BTC, Thông tư 02/2023/TT-BKHCN và các quy định hiện hành; phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và đảm bảo tính khả thi khi ban hành.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh và cấp cơ sở, gồm: nhiệm vụ KH&CN; đề tài nghiên cứu khoa học; thẩm định công nghệ dự án đầu tư; thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN; thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

Những nội dung không quy định tại Nghị quyết được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN và các quy định pháp luật hiện hành.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**1. Mục tiêu:** Đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng định mức quy định.

**2. Nội dung**

Nghị quyết quy định về định mức chi cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở dựa trên định mức tối đa quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BKHCN và hệ số lao động khoa học của các chức danh, nhóm chức danh quy định tại Thông tư 02/2023/TT-BKHCN, các định mức chi cụ thể như sau:

**2.1. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

***2.1.1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ KH&CN***

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 32 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN, các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN căn cứ tính chất, nội dung nhiệm vụ KH&CN và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi cho phù hợp nhưng không vượt quá 80% định mức chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

***2.1.2. Dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học***

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh** | **Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Người chủ trì | buổi | 1.800 | 1.400 |
| 2 | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | buổi | 450 | 350 |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | báo cáo | 2.700 | 2.100 |
| 4 | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | báo cáo | 1.350 | 1.050 |
| 5 | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học | thành viên/buổi | 270 | 210 |

***2.1.3. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN***

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 270 triệu đồng/nhiệm vụ.

**2.2. Định mức chi quản lý hoạt động KH&CN**

***2.2.1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng***

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh** | **Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hội đồng: tư vấn, xác định nhiệm vụ KH&CN; thẩm định công nghệ dự án đầu tư; thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN; thẩm định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng | Hội đồng |  |  |
| - | Chủ tịch hội đồng |  | 1.350 | 1.050 |
| - | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 900 | 700 |
| - | Thư ký khoa học |  | 270 | 210 |
| - | Thư ký hành chính |  | 270 | 210 |
| - | Đại biểu được mời tham dự |  | 180 | 140 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
| - | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 450 | 350 |
| - | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 630 | 490 |
| c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ |  |  |
| - | Chủ tịch hội đồng |  | 630 | 490 |
| - | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 450 | 350 |
| 2 | Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng | Hội đồng |  |  |
| - | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.620 | 1.260 |
| - | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng |  | 1.350 | 1.050 |
|  | Thư ký khoa học |  | 270 | 210 |
| - | Thư ký hành chính |  | 270 | 210 |
| - | Đại biểu được mời tham dự |  | 180 | 140 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
| - | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 630 | 490 |
| - | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 900 | 700 |
| 3 | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN |  |  |  |
| a | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | Nhiệm vụ |  |  |
| - | Chủ tịch hội đồng |  | 1.620 | 1.260 |
| - | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.350 | 1.050 |
| - | Thư ký khoa học |  | 270 | 210 |
| - | Thư ký hành chính |  | 270 | 210 |
| - | Đại biểu được mời tham dự |  | 180 | 140 |
| b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  |  |
| - | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 630 | 490 |
| - | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 900 | 700 |
| 4 | Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của các Hội đồng | Chuyên gia | 1.350 | 1.050 |

***2.2.2. Định mức chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí, Tổ thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN***

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh** | **Áp dụng cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổ trưởng | Nhiệm vụ | 900 | 700 |
| 2 | Thành viên | Nhiệm vụ | 630 | 490 |
| 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 270 | 210 |
| 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 180 | 140 |

***2.2.3. Định mức chi tiền công các Hội đồng tư vấn đánh giá định kỳ, giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả nhiệm vụ (đánh giá, nghiệm thu nội bộ)***

Được áp dụng tối đa bằng 50% so với định mức chi Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả của nhiệm vụ KH&CN cùng cấp.

***2.2.4. Định mức chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập***

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập được tính tối đa bằng 04 lần mức chi thù lao của Hội đồng tương ứng (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) và do cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

***2.2.5. Chi công tác phí cho các nội dung liên quan đến quản lý các hoạt động KH&CN***

Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

***2.2.6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý hoạt động KH&CN***

Thực hiện theo định mức chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại Điểm 2.1.2.

***2.2.7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến quản lý hoạt động KH&CN***

Được thực hiện trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

**3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn**

- Về kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm tuỳ thuộc vào số lượng các nhiệm vụ KH&CN được cơ quan thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở đề xuất nhiệm vụ của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị Sở KH&CN thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ. Số lượng và dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cân đối trong dự toán được UBND tỉnh hàng năm.

- Về chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Các nội dung chi này phụ thuộc vào số lượng các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt trong năm. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh về các nhiệm vụ KHCN triển khai, sẽ chủ động cân đối dự toán được bố trí trong dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị được giao trong năm, đảm bảo nguồn lực kinh phí để triển khai nhiệm vụ.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

**1. Nguồn lực thực hiện:**

Kinh phí thực hiện chính sách được đảm bảo trong dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm của tỉnh Quảng Trị.

**2. Điều kiện đảm bảo thi hành sau khi văn bản được thông qua**

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện sau khi nghị quyết được thông qua.

- Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn lập dự toán, quyết toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật.

**3. Thời điểm thực hiện:** Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ ….. của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh Quảng Trị đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về định mức xây dựng và phân bổ dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo Đề cương dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Ban pháp chế - HĐND tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Sở Tài Chính;  - Sở Nội vụ;  - Lưu: VP, SKHCN, KGVX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |